

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 - 7- 2021  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Văn Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Hồng Xuân, bà Bùi Thị Bích Thuỷ

**- Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Văn Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim D

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, thị trấn K, huyện T, tỉnh T1

Nơi ở hiện nay: Bản S, xã K, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Lê Viết T

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, thị trấn K, huyện T, tỉnh T1

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam T – Bộ công an

Địa chỉ: Xã C, huyện T, tỉnh T1.

Tại phiên toà vắng mặt chị D và anh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thị Kim D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Viết T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/9/2014 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã K, huyện N, tỉnh B. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng nhiều quan điểm sống, anh T không quan tâm đến gia đình. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Viết Anh T, sinh ngày 07/01/2015 và cháu Lê Thanh H, sinh ngày 26/7/2017. Từ khi vợ, chồng sống ly thân các con ở với ông, bà nội, chị đi làm và gửi tiền về để ông bà nội chăm sóc các cháu. Do hiện nay anh T đang phải đi chấp hành án, nên sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2021 bị đơn là anh Lê Viết T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T xét thấy tình cảm vợ, chồng vẫn còn và mong muốn gia đình đoàn tụ để các con được chung sống cùng bố mẹ. Do đó, anh T không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Viết Anh T, sinh ngày 07/01/2015 và cháu Lê Thanh H, sinh ngày 26/7/2017. Từ khi vợ, chồng sống ly thân hai con ở với anh và ông bà nội. Hiện tại do anh đang phải đi chấp hành án nên các con đang được ông, bà nội nuôi dưỡng. Nếu vợ, chồng phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Đinh Thị Kim D được ly hôn anh Lê Viết T. Giao cháu Lê Viết Anh T, sinh ngày 07/01/2015 và cháu Lê Thanh H, sinh ngày

26/7/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Chị D phải chịu án phí về việc ly hôn theo quy định của pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị Kim D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Lê Viết T. Anh T cư trú tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh T không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh T cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị D và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Kim D và anh Lê Viết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/9/2014 tại UBND xã Kỳ Phú, huyện N, tỉnh B và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên xảy ra xung đột. Chị D và anh T đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Điều đó chứng tỏ chị D và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị D được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là cháu Lê Viết Anh T, sinh ngày 07/01/2015 và cháu Lê Thanh H, sinh ngày 26/7/2017. Xét nguyện vọng của chị D và anh T đều muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị D và anh T. Tuy nhiên hiện nay anh T đang phải đi chấp hành án không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng các con. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị D giao cháu T và cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không yêu

cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung do đó chấp nhận sự tự nguyện của chị D là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị D và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Kim D được ly hôn anh Lê Viết T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Viết Anh T, sinh ngày 07/01/2015 và cháu Lê Thanh H, sinh ngày 26/7/2017 cho chị Đinh Thị Kim D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Viết T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh Lê Viết T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0003003 ngày 22/02/2021. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị D và anh T. Chị D, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.MHỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa**

**Bùi Văn Tuấn**



